TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂ DÂN THNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc T

2. Bà Hoàng Thị N

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải H - Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXX ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Việt H - Sinh năm 1979

HKTT: SN 139 N, phường Ng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: SN 27/479 Tr, xã Đ , thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Trương Mạnh S - Sinh năm 1979

HKTT: SN 139 N, phường Ng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: P210 nhà chung cư số 01, chung cư Đ, phố Đ, phường Đ, thành phố Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Việt H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Mạnh S kết hôn với nhau năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc chỉ được một gian gian ngắn đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặt khác, khi công việc kinh doanh của gia đình không thuận lợi thì anh S không chịu trách nhiệm gánh vác cùng với chị mà bỏ đi nơi khác để ở, không quan

tâm đến vơ con. Năm 2022 chị đã làm đơn khởi kiện ly hôn anh S, nhưng do không tìm được địa chỉ của anh S nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay chị được biết anh S đang ở tại P210 nH chung cư số 01, chung cư Đ, phố Đ, phường Đ, thành phố Thanh Hóa. Chị có đến để nói chuyện nhưng lần nào đến cũng cãi nhau, rồi xảy ra xô sát. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, mà ngày càng trầm trọng hơn. Kể từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị có ba con chung: Cháu Trương Lan P – sinh ngày 21/10/2005 (đã thành niên), Trương Khánh H1 – sinh ngày 06/01/2010 và Trương Mạnh Th – sinh ngày 18/5/2015. Hiện nay cháu P đã thành niên, cháu H1 và cháu Th đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu Th, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trương Mạnh S theo quy định của pháp luật nhưng anh S không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Thu thập chứng cứ tại địa P thể hiện: Anh Trương Mạnh S có hộ khẩu thường thú tại SN 139 N, phường Ng, tHnh phố Thanh Hóa. Khoảng 3 năm trở lại đây, anh S đăng kí tạm trú và sinh sống tại P210 nH chung cư số 01, chung cư Đông Phát, phố Đông Phát, phường Đông Vệ, tHnh phố Thanh Hóa. Anh S và chị Nguyễn Thị Việt H kết hôn với nhau năm 2005 và chung sống với nhau tại phường Ngọc Trạo. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh S chuyển về đây sinh sống. Nguyên nhân như thế nào thì phố không nắm được. Nhưng khi anh S chuyển về đây sinh sống, chị H có đến nhưng đều xảy ra cãi vã rồi xô sát, địa P phải đến giải quyết do vợ chồng nghi ngờ ghen tuông lẫn nhau. Về con: Anh S chị H có 03 con chung là cháu Trương Lan P – sinh ngày 21/10/2005 (đã tHnh niên), Trương Khánh H1 – sinh ngày 06/01/2010 và Trương Mạnh Th – sinh ngày 18/5/2015. Về tài sản công nợ của anh chị, địa P không nắm được. Về nghề nghiệp của anh S thì địa P được biết anh làm nghề tiếp thị tự do, còn chị H làm giáo viên, thu nhập cụ thể như thế nào địa P không rõ. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt anh S, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Việt H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Mạnh S có địa chỉ tại tHnh phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân tHnh phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trương Mạnh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa...nhưng anh S vẫn không đến Tòa án làm việc, tại phiên tòa vắng mặt anh S, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS để xét xử.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Việt H và anh Trương Mạnh S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ng, tHnh phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Việt H thấy rằng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Thực tế cho thấy, hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, có trách nhiệm và chung sống hòa thuận với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của chị H, cung cấp của chính quyền địa P nơi anh chị sinh sống thể hiện: vợ chồng chị H anh S do bất đồng quan điểm sống, cả vợ và chồng không hiểu nhau, không tin tưởng nhau dẫn đến cải chửi, đánh nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, cũng đã được gia đình cũng như chính quyền địa P hòa giải nhưng đến nay vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh S đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để thể hiện quan điểm ý kiến, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa, là từ bỏ quyền được trình bày thể hiện ý kiến, mặc nhiên để chị H đơn P ly hôn. Do đó, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị H anh S không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh S.

[3] *Về con chung*: Anh chị có ba con chung là cháu Trương Lan P – sinh ngày 21/10/2005 (đã tHnh niên), Trương Khánh H1 – sinh ngày 06/01/2010 và Trương Mạnh Th – sinh ngày 18/5/2015. Kể từ năm 2019 anh S chị H sống ly thân cho đến nay, các cháu ở với chị H, chị vẫn nuôi dạy cháu đảm bảo về mọi mặt. Chị H có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu Th. Hơn nữa, bản thân cháu H1, cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy giao cháu H1 và cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Việt H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Việt H được ly hôn anh Trương Mạnh S.

Về con chung: Công nhận cháu Cháu Trương Lan P – sinh ngày 21/10/2005 (đã tHnh niên), Trương Khánh H1 – sinh ngày 06/01/2010 và Trương Mạnh Th – sinh ngày 18/5/2015 là con chung của chị Nguyễn Thị Việt H và anh Trương Mạnh S. Giao cháu H1 và cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001010 ngày 05/12/2023của Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND P. Ng, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Q